BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 708 /QĐ-BNG	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tài sản công năm 2023 của Bộ Ngoại giao

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội;

- Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Nghị định số 81/2022/NĐ-CP ngày 14/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

- Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

- Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản trị Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tài sản công năm 2023 của Bộ Ngoại giao theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Cục trưởng Cục Quản trị Tài vụ, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- Như Điều 3;
- Lưu: TCCB, QTTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NGOẠI GIAO

Nguyễn Minh Hằng

Bộ Ngoại giao
Mã đơn vị: 011

Mẫu số 10a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2023

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: đồng.

(kèm theo Quyết định số 708 /QĐ-BNG ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Bộ Ngoại giao)

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/ MUA SẮM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Ủy ban Biên giới Quốc gia**	**1**	-	**681.232.108**	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên									
	2- Nhà									
	3- Xe ô tô									
	4- Tài sản cố định khác	**1**		**681.232.108**						
II	**Văn phòng Bộ Ngoại giao**	**2**	-	**1.186.459.032**	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên									
	2- Nhà									
	3- Xe ô tô									
	4- Tài sản cố định	2		1.186.459.032						
	...									
III	**Học viện Ngoại giao**	**1**	-	**3.181.015.801**	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên									
	2- Nhà									
	3- Xe ô tô									
	4- Tài sản cố định	1		3.181.015.801						
IV	**Báo Thế giới và Việt Nam**	**1**	-	**643.735.666**	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên									
	2- Nhà									
	3- Xe ô tô									
	4- Tài sản cố định	1		643.735.666						
	Tổng cộng	**5**	-	**5.692.442.607**	-	-	-	-	-	-

Bộ Ngoại giao
Mã đơn vị: 011

Mẫu số 10b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2023

(kèm theo Quyết định số 708 /QĐ-BNG ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Bộ Ngoại giao)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: đồng.

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Uỷ Ban Biên giới Quốc gia**	**16**	**5.077**	**5.077**	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên	1	2.017	2.017						
	2- Nhà	4	3.060	3.060						
	3- Xe ô tô	3								
	4- Tài sản cố định khác	8								
II	**Học viện Ngoại giao**	**20**	**37.549**	**23.890**	**13.134**	-	-	-	-	**525**
	1- Đất khuôn viên	1	10.650	8.491	1.634					525
	2- Nhà	6	26.899	15.399	11.500					
	3- Xe ô tô	5								
	4- Tài sản cố định khác	8								
III	**Cục Phục vụ Ngoại giao Đoàn**	**26**	**6.887**	-	**6.887**	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
	1- Đất khuôn viên	1	1.238		1.238					
	2- Nhà	1	5.649		5.649					
	3- Xe ô tô	8								
	4- Tài sản cố định khác	16								
IV	**Sở Ngoại vụ TP. HCM**	**47**	**78.075**	**74.983**	**3.092**	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên	6	54.709	54.709						
	2- Nhà	30	23.366	20.274	3.092					
	3- Xe ô tô	9								
	4- Tài sản cố định khác	2								
V	**Ủy ban Nhà nước về người VN ở nước ngoài**	**16**	**6.728**	**6.728**	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên	2	1.153	1.153						
	2- Nhà	2	5.575	5.575						
	3- Xe ô tô	3								
	4- Tài sản cố định khác	9								
VI	**Văn phòng Bộ Ngoại giao**	**175**	**48.801**	**48.801**	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên	5	34.358	34.358						

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
	2- Nhà	16	14.443	14.443						
	3- Xe ô tô	97								
	4- Tài sản cố định khác	57								
VII	**Nhà khách Chính phủ**	**18**	**20.319**	-	**20.319**	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên	1	11.327		11.327					
	2- Nhà	9	8.992		8.992					
	3- Xe ô tô	4								
	4- Tài sản cố định khác	4								
VIII	**Trung tâm Vận tải Đối ngoại V75**	**29**	**7.498**	**2.538**	**4.960**	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên	2	5.538	2.538	3.000					
	2- Nhà	6	1.960		1.960					
	3- Xe ô tô	21								
	4- Tài sản cố định khác	-								
IX	**Báo Thế giới và Việt Nam**	**1**	-	-	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên									
	2- Nhà									

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
	3- Xe ô tô									
	4- Tài sản cố định khác	1								
	….									
	Tổng cộng	**348**	**203.436**	**159.479**	**43.432**	**-**	**-**	**-**	**-**	**525**

Bộ Ngoại giao

Mã đơn vị: 011

Mẫu số 10c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2023

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Triệu đồng.

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Điều chuyển				Bán				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy				Ghi chú
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	Văn phòng Bộ Ngoại giao	-	-	-	-	1	-	1.962	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	1- Đất khuôn viên																									
	2- Nhà																									
	3- Xe ô tô					1		1.962																		
	4- Tài sản cố định khác																									
	Tổng cộng					1	-	1.962	-	-	-	-	-	-	-	-	,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-